

Bản án số: 45/2022/HS-ST  
Ngày 01 - 4 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH S LA.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Khệt và ông Nguyễn Đức Quyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Ngọc S, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 2 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh 07/7/1988; tại: huyện T, tỉnh S La. Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh S La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Bằng, sinh 1956 và bà Lưu Thị T, sinh 1962; vợ Cà Thị H, sinh 2001 và 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 06/12/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** anh Cà Văn S, sinh 1976; Nơi cư trú: Tiểu khu Ít Bon, thị trấn I, huyện M, tỉnh S La; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Văn C, sinh 1973; Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn I, huyện M, tỉnh S La; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/9/2021, Nguyễn Trọng T đến nhà anh Cà Văn S chơi (T và Cà Thị L con gái anh S có quan hệ thân thiết) đến khoảng 15 giờ, T quan sát thấy xe mô tô hiệu Honda Wave Biển kiểm soát (BKS) 26L1-060.85 để ở gầm sàn nhà anh S, liền nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã hỏi anh S “Cho cháu

mượn xe ra ngoài tở", anh S trả lời "Ừ", T liền đi lấy chìa khoá điều khiển đi đến khu chợ thuộc Tiểu khu 2, thị trấn I, T dừng xe lại mở cốp xe kiểm tra giấy tờ rồi sau đó điều khiển đi đến Tiểu khu 1, thị trấn I, T vào hiệu cầm đồ do anh Nguyễn Văn C làm chủ, T nói với anh C "Cho em cầm con xe này", anh C hỏi T "xe của ai?", T trả lời "Xe của bố vợ cho hai vợ chồng em", anh C xem giấy tờ xe rồi hỏi T "Muốn cầm bao nhiêu?", T nói "Em muốn cầm bảy triệu", anh C đồng ý thì T nói "Có việc, sẽ quay lại sau", rồi điều khiển xe về nhà anh S ăn cơm tối. Khoảng 19 giờ 30 phút, cùng ngày T tiếp tục hỏi anh S mượn xe mô tô, được anh S đồng ý, T liền cầm theo điện thoại của chị Lánh rồi điều khiển xe mô tô đến hiệu cầm đồ của anh C cầm lấy 7.000.000VNĐ, T nói với anh C chuyển vào tài khoản Viettelpay mang tên Cà Thị L (tài khoản do T lập trên điện thoại của L từ trước), T đã chơi game và chi tiêu cá nhân hết số tiền, T đi bộ về nhà anh S trả điện thoại cho L và nói dối gia đình anh S là xe mô tô bị Công an giao thông giữ, sáng ngày 13/9/2021 T tiếp tục đến gặp anh C lấy thêm 1.000.000VNĐ tiền mặt chi tiêu cá nhân hết.

Xác định bị chiếm đoạt tài sản, ngày 19/10/2021 anh Cà Văn S có đơn trình báo đề nghị điều tra làm rõ, yêu cầu T phải bồi thường số tiền công truy tìm là 6.000.000VNĐ.

Thực hiện điều tra thu giữ với anh Nguyễn Văn C 01 xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 26L1-060.85, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Cà Văn S, 01 chứng minh thư nhân dân (photo) mang tên Nguyễn Trọng T, 01 hợp đồng cầm đồ giữa anh C và T.

Ngày 22/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu định giá tài sản, khám nghiệm hiện trường nhưng không thu giữ gì thêm.

Ngày 01/11/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận định giá tài sản số 32/KLĐGTS: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 26L1-060.85 là 10.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã quyết định trả lại: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 26L1-060.85 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Cà Văn S. Gia đình T đã tự nguyện thoả thuận bồi thường chi phí truy tìm cho anh Cà Văn S và bồi hoàn số tiền 8.000.000VNĐ cho anh Nguyễn Văn C. Anh S và anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường, bồi hoàn gì thêm.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS-ML ngày 21/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do ham chơi game, cần tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12

đến 24 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS 26L1-060.85 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Cà Văn S; chấp nhận anh C đã nhận được bồi hoàn, không yêu cầu gì thêm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Trọng T tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, không yêu cầu ghi nhận về bồi thường, bồi hoàn thiệt hại.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã nhận tài sản và đã được bồi thường, bồi hoàn đủ, không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đường sự anh Cà Văn S, Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Khoảng 15 giờ ngày 12/9/2021, Nguyễn Trọng T chơi tại nhà anh Cà Văn S, quan sát thấy xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 26L1-060.85 để ở gầm sàn nhà, liền nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã hỏi anh S mượn xe rồi điều khiển đi đến khu chợ thuộc Tiểu khu 2, thị trấn I, T dừng xe lại mở cốp xe kiểm tra thấy có giấy tờ xe, T tiếp tục đến hiệu cầm đồ do anh Nguyễn Văn C làm chủ, T nói với anh C “Cho em cầm con xe này”, anh C hỏi T “xe của ai?”, T trả lời “Xe của bố vợ cho hai vợ chồng em”, anh C xem giấy tờ xe rồi hỏi T “Muốn cầm bao nhiêu?”, T nói “Em muốn cầm bảy triệu”, anh C đồng ý thì T nói “Có việc, sẽ quay lại sau”, rồi điều khiển xe về trả lại anh S và ăn cơm tối, đến khoảng 19 giờ 30 phút, cùng ngày T tiếp tục hỏi anh S mượn xe mô tô, được anh S đồng ý, T liền cầm theo điện thoại của chị Lánh (con gái anh S) rồi điều khiển xe mô tô đến hiệu cầm đồ của anh C cầm

lấy 7.000.000VNĐ, T nói với anh C chuyển vào tài khoản Viettelpay mang tên Cà Thị L (tài khoản do T lập trên điện thoại của L từ trước), T đã chơi game và chi tiêu cá nhân hết số tiền, T đi bộ về nhà anh S trả điện thoại cho Lánh và nói dối gia đình anh S xe mô tô bị Công an giao thông giữ, sáng ngày 13/9/2021 T tiếp tục đến gặp anh C lấy thêm 1.000.000VNĐ tiền mặt chi tiêu cá nhân hết. Theo kết luận định giá tài sản số: 32/KLĐGTS, ngày 01/11/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện M: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 26L1-060.85 là 10.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Trọng T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, trái pháp luật chiếm đoạt tài sản có trị giá 10.000.000VNĐ là hành vi xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo không chịu lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ham chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã cố ý trực tiếp lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, dùng thủ đoạn gian dối (mượn xe ra ngoài tỵ) để chiếm đoạt tài sản, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có sự tính toán và chuẩn bị trước (mượn xe lần thứ nhất để kiểm tra giấy tờ trong cốp xe, tìm nơi cầm cố, trả lại xe để tạo lòng tin...). Tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh S, anh C mà còn làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu (từ trước tới nay chưa phạm tội lần nào) và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo tác động gia đình bồi thường); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, cháu của người có công (ông ngoại bị cáo là thương binh, được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì)

bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội nên áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

[9] Đối với Nguyễn Văn C là những người trực tiếp nhận cầm cố tài sản do bị cáo chiếm đoạt mà có nhưng ngay tình không biết rõ về nguồn gốc nên không có cơ sở xử lý về hình sự theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, BKS 26L1-060.85 và 01 đăng ký là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Cà Văn S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: anh Cà Văn S xác định đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm; anh Nguyễn Văn C đã được gia đình T bồi hoàn số tiền 8.000.000VNĐ, không yêu cầu bồi thường gì thêm; không ai yêu cầu ghi nhận việc nhận lại tài sản, việc bồi thường, bồi hoàn nên không có cơ sở giải quyết theo vụ án.

[12] Về án phí: Không có tài liệu xác định bị cáo là đối tượng được giảm, miễn nộp tiền án phí nên buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (01/4/2022); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh S La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo Nguyễn Trọng T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/4/2022); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh S La;
- VKSND tỉnh S La;
- Sở Tư pháp tỉnh S La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ; CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoà**